

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai106220181652Số tờ khai đầu tiên / 106220181652

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA12 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai0307

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCCATLOVTMã bộ phận xử lý tờ khai00

Ngày đăng ký19/04/2024 09:10:41Ngày thay đổi đăng ký17/05/2024 16:48:19Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu

Mã

Tên

Mã bưu chính

Địa chỉ

Số điện thoại

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

TênTOYO REIZO CO.,LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ37-28,EITAI 2-CHOME, TOKYO KOTO-KU, 135-0034, JAPAN

Mã nướcJP

Người ủy thác xuất khẩu		Mã nhân viên Hải quan	
Đại lý Hải quan			
Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	51CIS09	CANG CONTAINER QTE
1 020424ONEITYOE48986400	Địa điểm dỡ hàng	VNTTT	TANCANG CAIMEP TVAI
2	Địa điểm xếp hàng	JPTYO	TOKYO - TOKYO
3	Phương tiện vận chuyển		
4		9999	RITA V.053N
5	Ngày hàng đến		13/04/2024
Số lượngPK	Ký hiệu và số hiệu		
Tổng trọng lượng hàng (Gross)KGM			
Số lượng container1	Ngày được phép nhập kho đầu tiên		
	Mã văn bản pháp quy khác		FQ

Số hóa đơnA - 23VIF02

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành02/04/2024

Phương thức thanh toánLC

Tổng trị giá hóa đơnA - CIF - USD -

Tổng trị giá tính thuế

Tổng hệ số phân bổ trị giá

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu			
1 FQ02 - 1237/TY - KDTS	2 FQ02 - BNNPTNT10240106252	3 ZP03 - 493/2024/TBNK/TYV6	
4 -	5 -		
Mã phân loại khai trị giá6			
Khai trị giá tổng hợp	-	-	-
Các khoản điều chỉnh			
Phí vận chuyển	-	-	-
Phí bảo hiểm	-	-	-
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ
1 -	-	-	
2 -	-	-	
3 -	-	-	
4 -	-	-	
5 -	-	-	

Chi tiết khai trị giá

02042024#& dòng hàng số 1, 2, 3, 4 thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo điều 4 thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng		
1 V Thuế GTGT	VND	2	Tổng tiền thuế phải nộp	VND
2	VND		Số tiền bảo lãnh	VND
3	VND		Tỷ giá tính thuế	USD - 24.830
4	VND			-
5	VND			-
6	VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D
			Mã lý do đề nghị BP	Người nộp thuế 1
			Tổng số trang của tờ khai	8
			Tổng số dòng hàng của tờ khai	6

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

106220181652

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Mã loại hình

A12 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

0307

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

CCATLOVT

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

19/04/2024 09:10:41

Ngày thay đổi đăng ký

17/05/2024 16:48:19

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Số đính kèm khai báo điện tử

1

-

2

-

3

-

Phần ghi chú

Tờ khai có CO form CPTPP CO TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ ngày 02/04/2024

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp			Số quản lý người sử dụng		00015
Phân loại chỉ thị của Hải quan			A		
	Ngày	Tên	Nội dung		
1	19/04/2024	ĐƯA HÀNG VỀ BẢO QUẢN	ĐƯA HÀNG VỀ BẢO QUẢN TẠI KHO CTY TPV-ĐƯỜNG SỐ 7-KCN ĐÔNG XUYỀN, P RẠCH DỪA, TP VŨNG TÀU. CHỜ KẾT QUẢ KIỂM DỊCH		
2	24/04/2024	kqkd	GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THUỶ SẢN NHẬP KHẨU SỐ: 1/2024/E04/CN-TSNK ngày 22/04/2024		
3	24/04/2024	KTCN	Bổ sung kết quả kiểm tra ATTP		
4	17/05/2024	Thông báo kết quả	Thông báo kết quả xác nhận số 493/2024/TBNK/TYV6 ngày 14/05/2024		
5	/ /				
6	/ /				
7	/ /				
8	/ /				
9	/ /				
10	/ /				

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan

CCT CC HQ Cảng Cát Lở Vũng Tàu

Ngày cấp phép

17/05/2024 16:53:14

Ngày hoàn thành kiểm tra

17/05/2024 16:49:34

Phân loại thẩm tra sau thông quan

Ngày phê duyệt BP

/ /

Ngày hoàn thành kiểm tra BP

/ /

Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu

Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)		Địa điểm		Ngày đến	~	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1			/ /	~	/ /
	2			/ /	~	/ /
	3			/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế				/ /		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	106220181652	Số tờ khai đầu tiên	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A12 2 [4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	0307
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CCATLOVT		Mã bộ phận xử lý tờ khai		00
Ngày đăng ký	19/04/2024 09:10:41	Ngày thay đổi đăng ký	17/05/2024 16:48:19	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<02>				
Mã số hàng hóa	03072200	Mã quản lý riêng	Mã phân loại tái xác nhận gi: []	
Mô tả hàng hóa	Thịt Còì sò điệp đông lạnh_Frozen Scallop meat (Mizuhopecten yessoensis) (size 3S)			

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	2.000	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	2.000	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	USD	KGM
Trị giá tính thuế(S)	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	- VND	KGM
Thuế suất	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	JP - JAPAN - B21	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất V
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	SE TRONG TRUOI, CHAN NUOI,
	Số tiền miễn giảm	VND	VK010 THUY SAN NUOI TRONG, DANH
2	Tên		BAT
	Trị giá tính thuế	VND	Mã áp dụng thuế suất
	Thuế suất		Số lượng tính thuế
	Số tiền thuế	VND	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	



Mẫu: 10 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

Số: 1/2024/E04/CN-TSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại:

Di động

Fax:

Email:

Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
1	Thịt Còi sò điệp đông lạnh	Mizuhopecten yessoensis	Nguyên còi (bỏ vỏ) đông lạnh	5500.0 (Kilogram)
			Tổng số	5500.0 (Kilogram)

Mục đích sử dụng: Kinh doanh thực phẩm

Quy cách đóng gói/bảo quản: CARTONS Số lượng bao gói: 550 (kiện/bao/thùng/hộp)

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Vùng/nước xuất khẩu: JAPAN

Nước quá cảnh: không

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: CÁI MÉP

Thời gian nhập: 20/04/2024

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: Đơn khai báo kiểm dịch, Invoice, Packing list, Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu, Bill no: ONEYTYOE48986400; TKHQ: 106220181651/A12.

Nơi chuyển đến:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên:

1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;

~~2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;~~

~~3/ Số hàng trên trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số: ngày của (gửi kèm bản sao, nếu có);~~

~~4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau: Đạt yêu cầu kiểm tra ngoại quan.;~~

~~5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ;~~

Giấy có giá trị đến 21/06/2024

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Văn Thiệt

Cấp tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 22/04/2024

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Diệp Quốc Trường

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể đối với động vật thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản;
- (2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

